

**TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

M.S.D.N.

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 53

1002
C
KIỂM
TOÁN

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") công bố báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Tổng Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Tổng Công ty gọi chung là Nhóm công ty) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Tiến Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 01/07/2019)
Ông Trương Quang Minh	Thành viên
Ông Hoàng Minh	Thành viên
Ông Phan Quang Huy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 01/05/2019)

Kiểm soát viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Duy Vũ	Kiểm soát viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đình Hương	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2019)
Ông Lê Tiến Anh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2019)
Ông Phan Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18/03/2019)
Ông Đào Đông Phong	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 18/03/2019)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Tiến Anh

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Khánh Hòa, ngày 27 tháng 12 năm 2019

Số: 19.387aHN/RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng thành viên**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (cùng với Tổng Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 27/12/2019 từ trang 5 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính rằng Báo cáo kiểm toán số 19.387aHN/RSMHCM phát hành ngày 30/12/2019 là Báo cáo kiểm toán thay thế cho Báo cáo kiểm toán đã phát hành số 19.387HN/RSMHCM ngày 28/03/2019 điều chỉnh tăng giảm các chỉ tiêu/khoản mục chi tiết tại Thuyết minh số 11 sau khi Tổng công ty điều chỉnh theo Quyết định 3448/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 và Thông báo số 617/TB-UBND ngày 29/11/2019 của UBND Tỉnh Khánh Hòa đồng thời lập lại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Dương Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2019

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2018-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.431.027.305.552	4.636.028.429.943
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		102.859.910.391	300.813.557.542
1. Tiền	111	4.1	98.859.910.391	265.313.557.542
2. Các khoản tương đương tiền	112	4.2	4.000.000.000	35.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.852.612.782.393	1.928.135.355.321
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.3	1.852.612.782.393	1.928.135.355.321
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		446.811.954.141	494.178.233.767
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.4	177.198.558.619	194.236.640.613
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		145.683.374.020	64.210.598.051
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	10.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	124.635.169.219	232.959.611.263
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(705.147.717)	(782.888.121)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	3.544.271.961
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	2.910.298.305.650	1.897.345.313.651
1. Hàng tồn kho	141		2.912.870.511.358	1.897.829.194.669
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.572.205.708)	(483.881.018)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		118.444.352.977	15.555.969.662
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	8.385.138.488	7.729.761.347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		109.382.398.932	3.011.812.856
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	676.815.557	4.814.395.459
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.129.608.263.390	1.186.989.972.317
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.091.000.000	1.374.546.683
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	14.091.000.000	1.374.546.683
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		604.563.373.499	547.879.746.925
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	513.594.050.875	455.887.544.615
- Nguyên giá	222		1.758.555.291.904	1.694.166.808.348
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.244.961.241.029)	(1.238.279.263.733)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	90.969.322.624	91.992.202.310
- Nguyên giá	228		97.684.975.021	97.006.385.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.715.652.397)	(5.014.182.950)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		100.530.269.996	236.946.832.376
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	100.530.269.996	236.946.832.376
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		302.962.340.758	321.154.813.161
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.3	275.310.310.838	284.427.179.161
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.3	26.727.634.000	26.727.634.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	4.3	(9.075.604.080)	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.3	10.000.000.000	10.000.000.000

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

VI. Tài sản dài hạn khác	260		107.461.279.137	79.634.033.172
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	88.569.509.942	72.249.102.699
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		18.891.769.195	7.384.930.473
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+ 200)	270		6.560.635.568.942	5.823.018.402.260

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.909.307.683.264	2.987.916.405.441
I. Nợ ngắn hạn	310		3.846.935.192.514	2.907.478.473.441
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	362.247.806.164	300.394.692.541
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		97.498.302.930	6.386.246.237
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	926.583.388.867	298.977.118.383
4. Phải trả người lao động	314		240.802.418.619	277.357.267.203
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	12.827.616.306	6.329.908.395
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		351.789.056	351.789.056
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	13.176.512.064	30.923.598.434
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	1.854.381.231.869	1.644.790.906.443
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		339.066.126.639	341.966.945.249
II. Nợ dài hạn	330		62.372.490.750	80.437.932.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	733.632.000	599.932.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.12	61.638.858.750	79.838.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.651.327.885.678	2.835.101.996.819
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	2.651.327.885.678	2.834.968.111.819
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.936.599.813	2.936.599.813
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(463.931.124)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.888.565.780	3.829.530.149
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	208.190.441.477
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		194.851.665.665	227.884.853.336
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.946.655.071	17.274.341.691
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		173.905.010.594	210.610.511.645

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

7. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	1.371.783.699	1.371.783.699
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	29.279.270.721	25.218.834.469
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	133.885.000
1. Nguồn kinh phí	431	-	133.885.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	430	6.560.635.568.942	5.823.018.402.260



Lê Tiến Anh

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Khánh Hòa, ngày 27 tháng 12 năm 2019

Đào Đông Phong
Kế toán trưởng

Đào Đông Phong
Người lập

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	7.637.356.669.828	7.326.215.875.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	22.159.530.401	89.579.399.114
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		7.615.197.139.427	7.236.636.476.777
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	6.585.534.133.738	6.334.035.922.930
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		1.029.663.005.689	902.600.553.847
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	120.174.068.396	141.635.162.197
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	5.5	123.050.054.750	64.825.359.838
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		91.400.988.523	69.397.223.192
8. Phần lãi hoặc lỗ trong C.ty liên doanh, liên kết	24		15.065.947.269	25.019.280.149
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	399.036.237.467	364.889.218.558
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	184.477.108.238	130.458.382.053
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		458.339.620.899	509.082.035.744
12. Thu nhập khác	31	5.8	3.350.975.142	58.792.601.095
13. Chi phí khác	32	5.9	23.698.567.627	16.968.194.954
14. Lợi nhuận khác	40		(20.347.592.485)	41.824.406.141
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		437.992.028.414	550.906.441.885
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	102.509.895.410	134.943.291.653
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.11	(11.506.838.722)	(9.965.716.194)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		346.988.971.726	425.928.866.426
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		343.568.563.526	423.697.368.633
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.420.408.200	2.231.497.793

**Lê Tiến Anh**

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Khánh Hòa, ngày 27 tháng 12 năm 2019

Đào Đông Phong
Kế toán trưởng

Đào Đông Phong
Người lập

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		437.992.028.414	550.906.441.885
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		97.271.982.618	96.346.900.385
Các khoản dự phòng	03		11.086.188.366	(20.608.993.037)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.168.520.131	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(119.565.525.818)	(136.327.944.030)
Chi phí lãi vay	06		91.400.988.523	69.397.223.192
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			519.354.182.234	559.713.628.395
3. trước những thay đổi vốn lưu động	08			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(62.357.243.736)	(127.260.523.609)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.015.041.316.689)	(58.024.471.642)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		556.166.425.945	(117.876.700.019)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(16.975.784.384)	(1.430.067.251)
Tiền lãi vay đã trả	14		(91.001.075.581)	(68.522.179.880)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(131.250.920.996)	(88.219.566.690)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		642.848.186	21.732.623.487
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(86.323.887.952)	(185.543.717.329)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(326.786.772.973)	(65.430.974.538)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(50.240.218.123)	(242.974.665.698)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		1.225.118.268	5.443.149.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.680.991.671.282)	(2.917.115.355.321)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		2.756.524.244.210	2.925.011.834.890
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(13.883.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		63.699.500.000	55.953.184.720
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		109.216.027.953	102.028.062.607
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		199.433.001.026	(85.536.789.348)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	5.769.690.637.672	5.459.277.473.712
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(5.584.610.112.048)	(5.031.720.323.093)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(256.054.664.787)	(197.469.795.011)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(70.974.139.163)	230.087.355.608
LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM	50		(198.327.911.110)	79.119.591.722
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		300.813.557.542	221.690.013.536
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		374.263.959	3.952.284
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		102.859.910.391	300.813.557.542



Lê Tiến Anh

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Khánh Hòa, ngày 27 tháng 12 năm 2019

Đào Đông Phong
Kế toán trưởng

Đào Đông Phong
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV (dưới đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 2914/QĐ -UBND ngày 13/11/2009 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Tổng Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200486169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 05/01/2011. Từ khi thành lập đến nay, Tổng Công ty đã 10 lần điều chỉnh lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/10/2018. Tổng Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.366.000.000.000 VND.

Vốn thực tế đến ngày 31/12/2018 là 2.366.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh thuốc lá, may mặc, nuôi đà điểu – cá sấu, sản xuất các sản phẩm tiêu dùng từ da đà điểu, cá sấu, dịch vụ du lịch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Trồng rau đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Hoạt động các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên;
- Thuộc, sơ chế da, sơ chế và nhuộm da lông thú;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá;
- Chăn nuôi dê, cừu;
- Chăn nuôi lợn;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Chăn nuôi ngựa, lừa, la;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất hàng mỹ nghệ từ đà điểu và cá sấu;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- In ấn;
- Sản xuất các loại cấu kiện kim loại;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Đại lý du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Xử lý và thiêu hủy rác thải không độc hại;
- Đại lý, môi giới;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải khách ven biển và viễn dương;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và thiêu hủy rác thải độc hại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Khai thác nước khoáng và bùn khoáng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Tổng Công ty có các công ty con, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con được hợp nhất trực tiếp:			
Công ty CP Du lịch Long Phú	Đá Chông, xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	52,5%	52,5%
Công ty CP Bao bì Tân Khánh An	Đường D2, Khu Công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	83,86%	83,86%
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	07 Võ Thị Sáu, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khatoco	13B Hoàng Hoa Thám, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	100%	100%

Danh sách các công ty liên kết:

Tên	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:		
Công ty CP Đông Á	29%	29%
Công ty CP Du lịch Khánh Tâm	29%	29%
Công ty CP Đầu tư Khánh Hà	29%	29%
Công ty CP Tân Việt	38%	38%
Công ty CP In Bao Bì Khatoco	29%	29%
Công ty CP Khatoco Liberty	29,6%	29,6%

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Danh sách các công ty đầu tư khác:

Tên	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty đầu tư khác:		
Công ty CP Khánh Tân	5,34%	5,34%
Công ty TNHH Invest Park – Nha Trang	12,73%	12,73%
Công ty CP Du lịch Long Phú (Công đoàn đầu tư)	1,51%	1,51%
Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang	8,89%	8,89%

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
1 Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	Đường Trường Sơn, Khu Bình Tân, Phường Vĩnh Trường, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
2 Xí nghiệp May Khatoco	Lô NM1, Đường số 1, Cụm công nghiệp Khatoco- Ninh Ích, Xã Ninh Ích, Thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
3 Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	Cụm Công nghiệp Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
4 Công viên Du lịch Yang Bay	Thôn Ngã Hai, Xã Khánh Phú, Huyện Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
5 Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Ninh Hòa	Thôn Đại Cát, Xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
6 Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	Cụm Công nghiệp Ninh Ích, Thôn Tân Phú, xã Ninh Ích, Thị xã Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa
7 Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Quảng Nam	Thôn Phú Bình, Xã Tam Phú, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
8 Nhà máy Thuốc lá Khatoco Phú Yên	Lô B5, KCN An Phú, Xã Bình Kiến, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam
9 Chi nhánh TCT Khánh Việt – Công ty TNHH MTV tại Gia Lai	Dốc đỏ, Xã Phú Cản, Huyện Krông pa, Tỉnh Gia Lai
10 Chi nhánh TCT Khánh Việt – Công ty TNHH MTV tại Hồ Chí Minh	259A Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
11 Nhà máy Thuốc lá Khatoco Nghệ An	Đường D2, Khu Công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Đối với khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản tại ngày 31

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Nhóm công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228), Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228), Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

3.5. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với [hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2018	
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25	năm
▪ Máy móc thiết bị	5 - 12	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10	năm
▪ Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5	năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 15	năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình như sau:

	Năm 2018
▪ Quyền sử dụng đất có thời hạn	33 - 49,5 năm
▪ Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; các khoản bảo hiểm; chi phí sửa chữa, đào tạo... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí trả trước là tiền thuê đất và các chi phí liên quan đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất (từ 45 đến 50 năm);
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Nhóm công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Nhóm công ty là chi phí lãi vay: được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất qui định.

3.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/04/2016 của Bộ Tài chính.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Nhóm công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Nhóm công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết)

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.17. Khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi về thuế suất

- Áp dụng mức thuế suất 15% đối với thu nhập từ chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Thuế giá trị gia tăng

- Đối với sản phẩm nông nghiệp tự sản xuất mới qua sơ chế bán ra thuộc đối tượng không chịu thuế;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với các sản phẩm thuốc lá điếu, may mặc;
- Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

- Hoạt động sản xuất thuốc lá điếu là 70%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

9-C
TY
H
3 TU
TN
HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.22. Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	2.851.078.580	3.439.422.252
Tiền gửi ngân hàng	96.008.831.811	261.874.135.290
Cộng	98.859.910.391	265.313.557.542

4.2. Các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	4.000.000.000	35.500.000.000
Cộng	4.000.000.000	35.500.000.000

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

Ngắn hạn:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	1.852.612.782.393	1.852.612.782.393	1.928.135.355.321	1.928.135.355.321
Cộng	1.852.612.782.393	1.852.612.782.393	1.928.135.355.321	1.928.135.355.321

Dài hạn:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

Tại ngày 31/12/2018, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

Trong đó, một số khoản tiền gửi có kỳ hạn được sử dụng làm tài sản đảm bảo các khoản vay, cụ thể:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển CN Khánh Hòa: 131.000.000.000 đồng;
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT CN Khánh Hòa: 50.000.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Đông Á	3.480.000.000	26.347.987.111	3.480.000.000	24.090.486.357
Công ty CP Du lịch Khánh Tâm	47.560.000.000	36.548.995.524	47.560.000.000	43.734.576.202
Công ty CP Đầu tư Khánh Hà	75.500.000.000	73.940.845.522	75.500.000.000	75.452.198.477
Công ty CP Tân Việt	43.624.400.000	58.524.631.812	43.624.400.000	53.531.525.703
Công ty CP In bao bì Khatoco	23.200.000.000	46.080.227.292	23.200.000.000	41.855.256.026
Công ty CP Khatoco Liberty	29.600.000.000	33.867.623.577	29.600.000.000	32.511.792.625
Công ty TNHH Quốc tế AK	-	-	1.400.000.000	457.692.702
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	-	-	9.000.000.000	10.403.891.898
Công ty TNHH Phú Khánh Việt	-	-	2.500.000.000	2.389.759.171
Cộng	222.964.400.000	275.310.310.838	235.864.400.000	284.427.179.161



TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau (tiếp theo):

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác				
Công ty CP Khánh Tân	802.744.000	-	802.744.000	-
Công ty TNHH Invest Park - Nha Trang	9.550.000.000	5.701.717.890	9.550.000.000	-
Công ty CP Du lịch Long Phú (Công đoàn đầu tư)	374.890.000	-	374.890.000	-
Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang	16.000.000.000	3.373.886.190	16.000.000.000	-
Cộng	26.727.634.000	9.075.604.080	26.727.634.000	-

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh hợp nhất trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 8 – Thông tin bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Angles Worlds PTE, TLD	56.085.778.758	43.624.743.196
Công ty TNHH Hiệp Tâm	5.054.635.500	-
Tổng Công ty Miền Trung Công ty CP (TKA)	-	-
Công ty CP Xi măng Đồng Lâm (TKA)	15.022.193.000	11.475.850.997
Công ty CP Xi măng Công Thành (TKA)	7.971.811.200	15.091.824.000
Các đối tượng khác	93.052.224.161	116.674.898.933
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	11.916.000	7.369.323.487
Cộng	177.198.558.619	194.236.640.613

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty TNHH Việt Khánh Phú	-	7.318.611.487
Công ty CP Khatoco Liberty	11.916.000	29.912.000
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	-	20.800.000
Cộng	11.916.000	7.369.323.487

1789
IG T
NHH
AN &
VIỆT
T.P.H

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu khác**

Ngắn hạn:

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ phần hóa	1.129.256.764	-	-	-
Công ty CP Bảo hiểm Bảo Minh Khánh Hòa (*)	67.580.177.892	-	158.278.145.194	-
Công ty Hauni Maschinenbau GmbH	-	-	1.684.244.546	-
Công ty UKAN Investment Ltd	-	-	1.042.122.809	-
BRITISH AMERICAN TOBACCO (SGP) PTE LTD	8.375.271.576	-	-	-
Phải thu giá trị sổ sách cổ phần đã bán tại Công ty CP Bao bì Tân Khánh An	6.135.000.000	-	-	-
Hiệp hội thuốc lá Việt Nam	-	-	878.236.325	-
Phải thu người lao động	2.388.925.613	-	2.722.109.854	-
<i>Tạm ứng</i>	2.256.274.050	-	1.349.915.644	-
<i>Phải thu thuế TNCN, BHXH</i>	132.651.563	-	1.372.194.210	-
Ký cược, ký quỹ	835.264.950	-	29.187.942.745	-
Phải thu BHXH, YT, TN	-	-	32.198.969	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	30.905.051.200	-	31.368.633.430	-
Tiền đền bù giải tỏa tại CVDL Yang Bay được khấu trừ vào tiền thuê đất	6.198.158.467	-	6.477.110.467	-
Thuế nhập khẩu tạm nộp	20.514.042	-	366.985.189	-
Phải thu khác	1.067.548.715	-	921.881.735	-
	-	-	-	-
Cộng	124.635.169.219	-	232.959.611.263	-

(*) Khoản giá trị dự kiến phải thu Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh Khánh Hòa đối với phần thiệt hại về tài sản do ảnh hưởng của cơn bão số 12 năm 2017 và bão số 8 năm 2018.

Dài hạn:

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc thuê mặt bằng, nhà xưởng	-	-	86.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	14.015.000.000	-	500.000.000	-
Phải thu khác	76.000.000	-	788.546.683	-
	-	-	-	-
Cộng	14.091.000.000	-	1.374.546.683	-

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	754.011.772	48.864.055	1.371.149.993	131.588.436
Cộng	754.011.772	48.864.055	1.371.149.993	131.588.436

	Tại ngày 31/12/2018 VND			Tại ngày 01/01/2018 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Quá hạn trên 3 năm	673.723.622	-	673.723.622	1.107.973.121	-	782.888.121
Quá hạn trên 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	-	-	-
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	36.688.250	18.344.125	18.344.125	263.176.872	131.588.436	-
Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	43.599.900	30.519.930	13.079.970	-	-	-
Cộng	754.011.772	48.864.055	705.147.717	1.371.149.993	131.588.436	782.888.121

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.188.477.248.912	-	1.224.627.069.838	-
Công cụ, dụng cụ	1.849.819.304	-	2.682.973.612	-
Chi phí SX, KD dở dang	205.719.956.419	-	117.983.058.866	-
Thành phẩm	398.721.149.554	1.628.716.299	491.725.657.869	483.881.018
Hàng hóa	1.115.648.778.919	943.489.409	58.830.921.101	-
Hàng gửi bán	2.453.558.250	-	1.979.513.383	-
Cộng	2.912.870.511.358	2.572.205.708	1.897.829.194.669	483.881.018

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

Tại thời điểm cuối năm, giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm luân chuyển là 12.992.257.437 đồng, Nhóm Công ty xác định giá trị có thể thu hồi số hàng tồn kho này là 10.420.051.729 đồng và thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 2.572.205.708 đồng.

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV		
<i>Cụm Công nghiệp Khatoco xã Phước Đồng</i>	51.944.339.568	50.817.540.558
<i>Cụm đảo Hòn Thị - Đầm Nha Phu</i>	313.526.070	313.526.070
<i>Công viên du lịch Yang Bay</i>	17.011.818	12.501.970.280
<i>Dự án mở bùn tại Ninh Xuân 2</i>	-	1.279.811.033
<i>Di dời nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa</i>	2.307.674.819	136.000.000
<i>Nhà máy chế biến, tách cọng thuốc lá</i>	3.800.850.743	387.356.654
<i>Văn phòng Công ty TNHH Thương mại Khatoco</i>	84.802.727	-
<i>Văn phòng TCT Khánh Việt</i>	67.370.909	17.413.636
<i>Dự án tại Nhà máy thuốc lá Khatoco</i>	1.275.151.712	80.367.576.126
<i>Dự án tại Công viên du lịch Yang Bay</i>	1.545.718.887	13.972.999.615
<i>Dự án tại Trung tâm giống đà điều Ninh Hòa</i>	41.243.984	157.636.516
<i>Dự án tại Công ty thuốc lá nguyên liệu Khatoco</i>	6.974.936.072	161.364.634
<i>Dự án tại Xí nghiệp May Khatoco</i>	-	463.305.000
<i>Dự án tại Công ty kinh doanh đà điều cá sấu</i>	-	68.822.080
Công ty TNHH Bất động sản Khatoco		
<i>Công trình Cụm công nghiệp Trảng É</i>	27.572.888.521	69.733.525.483
Công ty CP Du lịch Long Phú		
<i>Chi phí mua động cơ thủy cano cao tốc</i>	-	1.130.234.545
<i>Chi phí mua quyền sử dụng đất</i>	-	-
<i>Chi phí quy hoạch dự án Đá Chồng</i>	770.000.001	770.000.001
<i>Chi phí dự án Khách sạn Hoàng Gia</i>	3.146.978.273	3.146.978.273
<i>Chi phí làm khán đài trường đua chó</i>	-	128.024.145
<i>Chi phí tư vấn phát triển dự án Hoa Lan + Hòn Hèo</i>	136.363.636	136.363.636
<i>Chi phí tư vấn phát triển dự án đảo khí</i>	136.363.636	136.363.636
<i>Chi phí thi công nhà hàng Hòn Lao</i>	-	281.243.182
<i>Chi phí làm nhà mẫu Hoa Lan</i>	195.107.894	-
<i>Chi phí công trình nhà xiếc thú Hòn Lao</i>	78.961.544	-
<i>Chi phí mở rộng mặt nước biển Hòn Lao</i>	108.928.182	-
<i>Chi phí mua xe ô tô 16 chỗ</i>	-	774.545.455
<i>Chi phí đo vẽ lập bản đồ dự án mở rộng mặt nước</i>	-	27.110.000
<i>Chi phí làm nhà để xe</i>	-	37.121.818
<i>Chi phí làm hồ nuôi cá coi Hoa Lan</i>	12.051.000	-
Cộng	100.530.269.996	236.946.832.376

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2018	535.648.440.403	963.749.816.632	166.556.102.874	21.163.997.125	1.729.866.777	5.318.584.537	1.694.166.808.348
Mua trong năm	276.256.900	93.759.702.123	9.211.757.985	955.577.507	-	-	104.203.294.515
Đ/tư XDCB h/thành	79.090.430.206	142.727.273	3.422.625.984	-	-	217.931.818	82.873.715.281
Tặng khác	-	540.485.914	-	-	-	-	540.485.914
Thanh lý, nhượng bán	(1.705.697.800)	(340.258.060)	(5.734.630.187)	-	-	-	(7.780.586.047)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(23.055.069.281)	(86.709.050.625)	(5.615.660.474)	(40.023.000)	-	-	(115.419.803.380)
Giảm khác	(21.946.363)	(6.676.364)	-	-	-	-	(28.622.727)
Tại ngày 31/12/2018	590.232.414.065	971.136.746.893	167.840.196.182	22.079.551.632	1.729.866.777	5.536.516.355	1.758.555.291.904
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2018	296.024.618.837	803.020.824.657	121.855.833.906	12.383.841.414	1.224.605.819	3.769.539.100	1.238.279.263.733
Khấu hao trong năm	34.868.479.291	46.422.135.687	10.620.776.556	3.076.798.962	32.258.436	486.564.239	95.507.013.171
Thanh lý, nhượng bán	(1.684.746.396)	(340.258.060)	(5.421.605.510)	-	-	-	(7.446.609.966)
Tặng khác	-	48.119.139	-	-	-	-	48.119.139
Giảm do bán giao TSCĐ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(13.475.245.976)	(62.867.282.239)	(5.043.993.833)	(40.023.000)	-	-	(81.426.545.048)
Tại ngày 31/12/2018	315.733.105.756	786.283.539.184	122.011.011.119	15.420.617.376	1.256.864.255	4.256.103.339	1.244.961.241.029
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2018	239.623.821.566	160.728.991.975	44.700.268.968	8.780.155.711	505.260.958	1.549.045.437	455.887.544.615
Tại ngày 31/12/2018	274.499.308.309	184.853.207.709	45.829.185.063	6.658.934.256	473.002.522	1.280.413.016	513.594.050.875

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 118.892.623.253 đồng;

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 743.111.721.234 đồng;

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý là 2.572.516.398 đồng;

Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	95.073.583.780	1.932.801.480	97.006.385.260
Mua trong năm	332.089.761	410.000.000	742.089.761
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(63.500.000)	(63.500.000)
Tại ngày 31/12/2018	95.405.673.541	2.279.301.480	97.684.975.021
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2018	3.346.434.241	1.667.748.709	5.014.182.950
Khấu hao trong năm	1.516.201.774	248.767.673	1.764.969.447
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(63.500.000)	(63.500.000)
Tại ngày 31/12/2018	4.862.636.015	1.853.016.382	6.715.652.397
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	91.727.149.539	265.052.771	91.992.202.310
Tại ngày 31/12/2018	90.543.037.526	426.285.098	90.969.322.624

Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2018.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 1.135.301.480 đồng.

Không có TSCĐ vô hình chờ thanh lý.

Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

4.11. Chi phí trả trước

Ngắn hạn:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	1.666.576.979	2.222.658.997
Chi phí thuê kho, thuê nhà	2.651.940.861	3.054.636.720
Chi phí bảo hiểm	3.063.774.196	820.973.732
Chi phí sửa chữa	599.421.082	1.318.041.963
Các khoản chi phí phân bổ khác	403.425.370	313.449.935
Cộng	8.385.138.488	7.729.761.347

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Dài hạn:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.223.690.414	20.912.757.177
Chi phí sửa chữa tài sản	2.033.157.675	3.669.158.617
Chi phí quảng cáo	605.475.061	420.772.728
Chi phí thuê đất	9.246.202.294	9.447.206.686
Chi phí quyền sử dụng đất	5.402.268.852	2.666.950.114
Chi phí bảo hiểm xe	778.625.981	-
Chi phí thuê công trình trên đất tại Ninh Tây	321.649.914	424.713.414
Giá trị cây trồng tại Ninh Tây	39.643.792	45.249.352
Đà điều sinh sản	1.955.123.972	3.801.677.516
Cá sấu sinh sản	614.347.576	976.754.666
Chi phí đền bù giải tỏa đất	23.456.893.548	20.515.519.170
Chi phí đền bù giải tỏa trại cá sấu Ninh Ích	7.813.080.561	8.077.811.865
Chi phí trồng cây xanh trại cá sấu Ninh Ích	20.294.942	48.882.170
Tiền thuê đất cụm công nghiệp Trảng É	18.584.340.862	
Chi phí huấn luyện xiếc thú	114.319.174	89.329.463
Chi phí khác	6.360.395.324	1.152.319.761
Cộng	88.569.509.942	72.249.102.699

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.833.347.951.869	1.833.347.951.869	5.773.355.044.985	5.566.897.927.585	1.626.890.834.469	1.626.890.834.469
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (VND)	791.241.928.884	791.241.928.884	2.379.016.717.187	2.361.367.204.765	773.592.416.462	773.592.416.462
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	923.615.605.758	923.615.605.758	2.968.742.115.088	2.853.181.879.682	808.055.370.352	808.055.370.352
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (VND)	60.000.000.000	60.000.000.000	289.001.309.184	229.001.309.184	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Khánh Hòa	24.491.050.742	24.491.050.742	24.491.050.742	29.863.496.305	29.863.496.305	29.863.496.305
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa	-	-	34.817.130.709	34.817.130.709	-	-
- Công ty CP TM và ĐT Việt Khánh	-	-	-	3.700.000.000	3.700.000.000	3.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (VND)	-	-	14.212.252.500	21.256.671.350	7.044.418.850	7.044.418.850
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (VND)	33.999.366.485	33.999.366.485	60.074.469.575	28.710.235.590	2.635.132.500	2.635.132.500
- Vay các đối tượng khác	-	-	3.000.000.000	5.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	21.033.280.000	21.033.280.000	21.033.280.000	17.900.071.974	17.900.071.974	17.900.071.974
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (VND)	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000	14.520.071.974	14.520.071.974	14.520.071.974
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (VND) (Long Phú)	1.611.280.000	1.611.280.000	1.611.280.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (VND) (Long Phú)	1.918.000.000	1.918.000.000	1.918.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	1.424.000.000	1.424.000.000	1.424.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Công ty CP TM và ĐT Việt Khánh	1.480.000.000	1.480.000.000	1.480.000.000	1.480.000.000	1.480.000.000	1.480.000.000
Cộng	1.854.381.231.869	1.854.381.231.869	5.794.388.324.985	5.584.797.999.559	1.644.790.906.443	1.644.790.906.443

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi tiết một số hợp đồng vay ngắn hạn:

Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 21/2018-HĐCVHM/NHCT580-KHDNL-TCTKV ngày 30/06/2018.

- + Hạn mức vay 1.000 tỷ đồng.
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- + Thời hạn vay không quá 12 tháng.
- + Lãi suất: lãi suất thả nổi theo thị trường, được xác định theo từng giấy nhận nợ.
- + Tài sản đảm bảo: là khoản vay tín chấp không có tài sản đảm bảo

Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2018/HDHM-KHATOCO ngày 15/06/2018.

- + Hạn mức vay: 1.100 tỷ đồng; Đồng tiền cho vay: VND hoặc ngoại tệ khác.
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- + Thời hạn vay 5 tháng kể từ khi nhận nợ.
- + Lãi suất: được xác định theo từng thời điểm giải ngân
- + Tài sản đảm bảo: là khoản vay tín chấp không có đảm bảo bằng tài sản

Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/312982/HĐTD ngày 01/06/2018 và 02/2018/312982/HĐTD ngày 18/07/2018.

- + Hạn mức vay 150 tỷ đồng.
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- + Thời hạn vay 4 tháng kể từ khi nhận nợ.
- + Lãi suất: 4,6%/năm

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

+ Tài sản đảm bảo: là các hợp đồng tiền gửi tại BIDV

Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2018.KHANHVIET/HDTD ngày 25/06/2018.

+ Hạn mức vay: 35 tỷ đồng; Đồng tiền cho vay: VND hoặc ngoại tệ khác.

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

+ Thời hạn vay từ ngày giải ngân đến 19/07/2019.

+ Lãi suất: được xác định theo từng thời điểm giải ngân

+ Tài sản đảm bảo: là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Vinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8834746/HDTD ngày 18/06/2017;

+ Hạn mức vay 50.000.000.000 VND.

+ Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC;

+ Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ.

+ Tài sản đảm bảo: là khoản vay tín chấp không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	61.638.858.750	61.638.858.750	6.355.598.750	24.554.740.000	79.838.000.000	79.838.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (VND)	59.166.658.750	59.166.658.750	3.586.398.750	17.419.740.000	73.000.000.000	73.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (VND) (LP)	-	-	-	1.918.000.000	1.918.000.000	1.918.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	1.402.200.000	1.402.200.000	2.769.200.000	2.117.000.000	750.000.000	750.000.000
- Công ty CP TM và ĐT Việt Khánh	1.070.000.000	1.070.000.000	-	3.100.000.000	4.170.000.000	4.170.000.000
Cộng	61.638.858.750	61.638.858.750	6.355.598.750	24.554.740.000	79.838.000.000	79.838.000.000

Chi tiết một số hợp đồng vay dài hạn:

Tại Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV

Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 112/2016-HĐTDDA/NHCT580/KHDN ngày 25/10/2016:

+ Tổng hạn mức: 145.000.000.000 đồng.

+ Mục đích vay: Dùng để thực hiện dự án đầu tư Dây chuyền sản xuất thuốc lá điều xuất khẩu tại Nhà máy thuốc lá Khatoco.

+ Thời hạn vay: 78 tháng (6,5 năm) kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn: 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

+ Lãi suất: Áp dụng phương thức lãi suất thả nổi theo thị trường, tại thời điểm ký hợp đồng. Lãi suất cho vay dài hạn theo Chương trình tiếp sức thành công dành cho KHDN Lớn, 7,0%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của NHCT cộng biên độ 2,5%/năm. Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tương ứng.

+ Tài sản đảm bảo: Được quy định cụ thể tại Hợp đồng Bảo đảm số 112/HĐBĐ/TC/KHDN ngày 25/10/2016.

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng vay nợ số 06/2018-HDDCVDADDT/NHCT580/KHDN ngày 23 tháng 01 năm 2018.

- + Tổng Hạn mức cho vay là 3.000.000.000 đồng.
- + Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- + Lãi suất 10%/năm.
- + Mục đích vay để đầu tư sửa chữa tài sản, công cụ dụng cụ phục vụ HĐ SXKD năm 2018 (Dự án).

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Khánh Hòa theo theo Hợp đồng vay nợ số HDTD6102017568 ngày 12 tháng 05 năm 2017 với hạn mức cho vay là 1.500.000.000 VND thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 7,5%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền mua 1 cano theo Hợp đồng mua bán số 2301/HĐMB-2017 ngày 16/2/2017 với Công ty TNHH Đóng tàu Lưu Gia. Tài sản đảm bảo là Tàu Long Phú 22 và 24

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Khánh Hòa theo theo Hợp đồng vay nợ số HDTD610201854 ngày 16 tháng 01 năm 2018 với hạn mức cho vay là 2.769.200.000 VND thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 10%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền 2 cano nhựa composite dài 12,3m rộng 2,76m, sức chở 42 khách cộng 3 thuyền viên, công suất 250HPx2. Tài sản đảm bảo là Tàu Long Phú 22 và 24

Vay dài hạn Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Việt Khánh theo Hợp đồng vay nợ số 18/4/2017/HĐVV/VL-LP ngày 17 tháng 04 năm 2017 với hạn mức cho vay là 4.400.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng từ 18/04/2017 đến 18/04/2020, lãi suất 7,5%/ năm. Mục đích vay để đầu tư mua mới 2 xe 45 chỗ.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng vay nợ số 0117/TH-LP ngày 16 tháng 02 năm 2017 với hạn mức cho vay là 4.368.000.000 VND thời hạn vay 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 7,4%/năm trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân do Tổng Giám đốc Vietcombank quy định cộng biên độ 2,6%. Mục đích vay để thanh toán tiền mua 2 xe ô tô khách hiệu thaco BS 79B-002.10 và 79B-002.13. Tài sản đảm bảo là Xe 45C-79B 02210 và xe 45C – 79B 02213.

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty liên doanh thuốc lá BAT Vinataba	50.054.378.528	50.054.378.528	89.065.705.742	89.065.705.742
British American Tobacco (Singapore)	94.507.916.568	94.507.916.568	56.623.284.779	56.623.284.779
Central line limited (Hong Kong)	9.414.225.000	9.414.225.000	-	-
The New Rich Island Inter.Co.LTD (Hong Kong)	13.110.180.000	13.110.180.000	-	-
China Hong Kong Vietnam International LTD	12.958.436.640	12.958.436.640	-	-
Angel World PTE., LTD (Singapore)	-	-	1.711.333.800	1.711.333.800
Hai Le International Trading Co., LTD (Đài Loan)	29.009.760.000	29.009.760.000	15.694.050.000	15.694.050.000
TTS International LTD (Philippines)	6.247.786.219	6.247.786.219	18.467.733.833	18.467.733.833
Công ty CP Cát Lợi	5.474.699.670	5.474.699.670	5.909.717.000	5.909.717.000
Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Tokyo	-	-	3.828.707.377	3.828.707.377
Các nhà cung cấp khác	101.764.137.273	101.764.137.273	84.111.054.489	84.111.054.489
Phải trả cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 9	39.706.286.266	39.706.286.266	24.983.105.521	24.983.105.521
Cộng	362.247.806.164	362.247.806.164	300.394.692.541	300.394.692.541

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán là bên liên quan				
Công ty CP Đông Á	8.039.967.980	8.039.967.980	3.697.689.071	3.697.689.071
Công ty CP In bao bì Khatoco	31.637.908.286	31.637.908.286	18.095.987.750	18.095.987.750
Công ty CP Khatoco Liberty	26.380.000	26.380.000	-	-
Công ty CP Khánh Tân	2.030.000	2.030.000	1.680.000	1.680.000
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	-	-	3.187.748.700	3.187.748.700
Cộng	39.706.286.266	39.706.286.266	24.983.105.521	24.983.105.521

4.14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2018 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa được khấu trừ	1.159.090	1.159.090	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	536.449.680	536.449.680
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	40.095	40.095	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	4.133.931.840	4.133.931.840	131.404	131.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	522.011.000	522.011.000	8.788.955	8.788.955
Thuế thu nhập cá nhân	157.253.434	25.807.916	-	131.445.518
Cộng	4.814.395.459	4.682.949.941	545.370.039	676.815.557

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/ Bù trừ trong năm VND	Tại ngày 31/12/2018 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	19.263.206.725	427.824.974.093	313.407.830.375	133.680.350.443
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	124.649.474.894	124.649.474.894	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	164.694.168.584	2.746.782.226.299	2.207.241.271.113	704.235.123.770
Thuế xuất nhập khẩu	-	23.159.566.348	23.159.566.348	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	70.138.761.666	100.379.938.430	131.242.132.041	39.276.568.055
Thuế thu nhập cá nhân	6.048.764.111	44.228.470.567	45.281.356.352	4.995.878.326
Thuế tài nguyên	3.438.080	464.527.640	467.965.720	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.009.767.519	2.009.767.519	-
Phí phòng chống tác hại thuốc lá	3.529.160.756	58.859.619.132	47.298.027.237	15.090.752.651
Lợi nhuận phải nộp về ngân sách nhà nước	35.299.618.961	249.049.265.933	255.044.169.272	29.304.715.622
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	12.094.323.464	12.094.323.464	-
Cộng	298.977.118.883	3.789.502.154.319	3.161.895.884.335	926.583.388.867

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	3.335.073.342	5.981.504.684
BHXX, BHYT, BHTN	49.287.500	3.293.500
Nhận ký quỹ, ký cược	915.945.022	629.618.573
Phải trả về cổ phần hóa	1.404.345.900	-
Thiệt hại do cơn bão số 12 gây ra phải trả khách hàng (*)	5.106.869.880	9.337.105.478
Phải trả người lao động tiền chờ góp vốn cổ phần	-	13.550.068.405
Phải trả người lao động về thuế thu nhập cá nhân	895.922.610	222.318.894
Phải trả lãi vay	734.554.344	92.375.896
Vốn góp phải hoàn trả cho cổ đông	-	273.200.000
Phải trả khác	734.513.466	834.113.004
Cộng	13.176.512.064	30.923.598.434

(*) Giá trị ước tính khoản phải trả cho khách hàng đối với phần thiệt hại về tài sản do ảnh hưởng của cơn bão số 12 năm 2017 gây ra.

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	733.632.000	599.932.000
Cộng	733.632.000	599.932.000

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trích trước chi phí thiệt hại do bão số 12 gây ra	-	1.351.265.078
Chi phí hỗ trợ khách hàng	772.941.969	671.561.342
Chi phí lãi vay phải trả	2.674.329.247	2.274.416.305
Hoa hồng môi giới	40.071.328	40.071.328
Trích trước chi phí thuê kho, mặt bằng	669.777.455	
Trích trước chi phí hỗ trợ chống buôn lậu thuốc lá	-	1.317.010.300
Trích trước chi phí Cụm công nghiệp Trảng É 1	8.208.645.537	-
Trích trước chi phí khác	461.850.770	675.584.042
Cộng	12.827.616.306	6.329.908.395

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	2.256.028.088.638	618.823.331	1.982.710.000	-	3.528.929.891	194.922.720.013	37.559.612.754	1.371.783.699	24.437.225.374	2.520.449.893.700
Tăng vốn trong năm	109.971.911.362	-	-	-	-	-	-	-	-	109.971.911.362
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	423.697.368.633	-	-	423.697.368.633
Tăng khác trong năm	-	-	-	-	-	-	605.562.798	-	-	605.562.798
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	(110.272.511.620)	-	-	(110.272.511.620)
Tăng từ trích quỹ trong năm	-	-	-	-	110.272.511.620	-	-	-	-	110.272.511.620
Tăng khác trong năm	-	-	953.889.813	(463.931.124)	-	13.267.721.464	-	-	2.231.497.793	15.989.177.946
Trích quỹ KTPL, quỹ BQL	-	-	-	-	-	-	(84.937.119.243)	-	-	(84.937.119.243)
Nộp ngân sách	-	-	-	-	-	-	(36.849.659.368)	-	-	(36.849.659.368)
Giảm khác trong năm	-	(618.823.331)	-	-	(109.971.911.362)	-	(1.918.400.618)	-	(1.449.888.698)	(113.959.024.009)
Tại ngày 01/01/2018	2.366.000.000.000	-	2.936.599.813	(463.931.124)	3.829.530.149	208.190.441.477	227.884.853.336	1.371.783.699	25.218.834.469	2.834.968.111.819
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	343.568.563.526	-	3.420.408.200	346.988.971.726
Tăng từ trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	1.544.467.157	-	-	-	1.544.467.157
Tăng khác trong năm	3.448.837.939	-	-	2.915.457.096	-	-	-	-	6.135.000.000	12.499.295.035
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	57.552.079.504	-	(57.552.079.504)	-	-	-
Trích quỹ KTPL, quỹ BQL	-	-	-	-	-	-	(83.084.412.031)	-	(338.656.311)	(83.423.068.342)
Giảm chuyển về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(209.732.588.734)	-	-	-	(209.732.588.734)
Kết chuyển phải nộp ngân sách	-	-	-	-	-	-	(249.049.265.933)	-	-	(249.049.265.933)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	-	-	-	(1.044.205.934)	-	16.580.295.943	-	(4.567.375.137)	10.968.714.872
Giảm khác trong năm	(3.448.837.939)	-	-	(2.451.525.972)	(3.448.837.939)	(2.319.900)	(3.496.289.672)	-	(588.940.500)	(13.436.751.922)
Tại ngày 31/12/2018	2.366.000.000.000	-	2.936.599.813	-	56.888.565.780	-	194.851.665.665	1.371.783.699	29.279.270.721	2.651.327.885.678

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Tài sản nhận giữ hộ (VND)	3.772.262.200	3.772.262.200
Ngoại tệ các loại		
USD	1.457.000,91	998.170,97
EUR	309,65	320,57
SGD	13.917,67	425,47
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
Các hộ nông dân trồng thuốc lá tại Khánh Hòa, Đắk Lắk	4.526.768.912	4.526.768.912
Các hộ nông dân trồng thuốc lá tại Gia Lai	1.087.527.750	1.087.527.750
Các đối tượng khác	437.337.027	437.337.027
Cộng	6.051.633.689	6.051.633.689

Nguyên nhân xóa nợ: Các khoản nợ đã xóa nêu trên là do Công ty Thuốc lá nguyên liệu Khatoco, Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV tại Gia Lai, Đắk Lắk đầu tư cho các hộ nông dân trồng thuốc lá, nhưng do mất mùa không thu hồi được, các hộ này không có khả năng trả nợ.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	7.447.690.179.247	7.159.991.375.756
Doanh thu cung cấp dịch vụ	189.666.490.581	166.224.500.135
Cộng	7.637.356.669.828	7.326.215.875.891

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chiết khấu thương mại	653.589.373	1.171.100.911
Giảm giá hàng bán	84.719.277	59.922.256
Hàng bán bị trả lại	21.421.221.751	88.348.375.947
Cộng	22.159.530.401	89.579.399.114

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	6.485.092.305.386	6.265.463.260.172
Giá vốn dịch vụ	97.869.622.644	77.327.070.615
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(8.774.995.334)
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.572.205.708	20.587.477
Cộng	6.585.534.133.738	6.334.035.922.930

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	102.512.175.419	87.369.045.997
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	15.281.772.977	7.154.208.805
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	350.685.000
Lãi từ chuyển nhượng vốn	2.365.000.000	46.761.222.395
Chiết khấu thanh toán nhận được	15.120.000	-
Cộng	120.174.068.396	141.635.162.197

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	91.400.988.523	69.397.223.192
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	20.179.057.161	4.138.412.838
Lỗi CLTG đánh giá lại số dư cuối năm	1.168.707.804	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất ĐTTC dài hạn	-	(4.480.460.659)
Trích lập dự phòng tổn thất ĐTTC dài hạn	9.075.604.080	-
Chiết khấu thanh toán, hàng bán trả chậm	23.880.000	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP)	-	(4.763.360.987)
Chi phí thoái vốn vào công ty con, công ty liên kết	381.817.182	533.545.454
Lỗi từ thanh lý các khoản đầu tư	820.000.000	-
Cộng	123.050.054.750	64.825.359.838

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dùng cho bán hàng	38.631.735.714	7.583.627.043
Tiền lương, các khoản trích theo lương	132.232.308.945	121.558.337.243
Khấu hao, sửa chữa tài sản cố định	14.614.267.079	12.034.261.111
Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá	59.005.615.132	45.350.914.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.657.805.156	22.732.606.430
Chi phí bằng tiền khác	91.894.505.441	155.629.472.697
Cộng	399.036.237.467	364.889.218.558

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	2.289.221.224	2.579.392.550
Tiền lương và các khoản trích theo lương	124.150.183.238	41.664.344.310
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.363.709.283	4.740.622.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.747.691.263	14.566.062.906
Chi phí bằng tiền khác	40.221.155.513	66.907.959.975
Trích lập/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	705.147.717	-
Cộng	184.477.108.238	130.458.382.053

02361
CÔNG
TY
KIỂM TOÁN
RSM
V.T.T

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.8. Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	824.220.312	2.380.536.092
Thu nhập từ bán vật tư, phế liệu, CCDC	-	2.256.364
Thu nhập từ nhận hỗ trợ bán hàng, vận chuyển	-	21.150.000.000
Xử lý số dư công nợ	-	135.392.046
Thuế nhập khẩu được hoàn	-	29.729.852.678
Vật tư thừa do kiểm kê	144.082.653	51.810.449
Thu bồi thường	33.287.668	-
Thù lao kiểm soát viên, người đại diện vốn	435.704.186	-
Thu nhập khác	1.913.680.323	5.342.753.466
Cộng	3.350.975.142	58.792.601.095

5.9. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thiệt hại do bão số 12 năm 2017 và bão số 8 năm 2018 (*)	11.468.545.443	14.332.588.292
Xử lý kiểm kê	11.195.363	44.803.523
Thù lao kiểm soát viên, người đại diện vốn	523.500.000	-
Chi phí khác	11.695.326.821	2.590.803.139
Cộng	23.698.567.627	16.968.194.954

(*) Giá trị ước tính khoản thiệt hại do cơn bão số 12 năm 2017 và bão số 8 năm 2018 gây ra mà không được Công ty bảo hiểm đền bù.

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	437.992.028.414	550.906.441.885
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	75.273.334.409	84.128.989.663
Điều chỉnh tăng	102.280.765.906	96.473.124.833
<i>Thu lao HĐQT, BKS</i>	66.600.000	162.600.000
<i>Chi phí vượt định mức</i>	56.046.900	708.077.689
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	33.048.382.433	96.004.513.500
<i>Lãi nội bộ chưa thực hiện năm nay</i>	68.934.554.748	(994.615.992)
<i>Lỗ CLTG đánh giá cuối năm</i>	175.181.825	3.431
<i>Lãi CLTG năm trước đã thực hiện</i>	-	377.112.981
<i>Các khoản điều chỉnh tăng khác</i>	-	215.433.224
Điều chỉnh giảm	27.007.431.497	12.344.135.170
<i>Lỗ CLTG chưa thực hiện năm trước đã thực hiện</i>	-	35.482.744
<i>Lãi nội bộ chưa thực hiện năm trước thực hiện năm nay</i>	(994.615.992)	2.686.584.752
<i>Lãi CLTG chưa thực hiện năm nay</i>	365.941.266	-
<i>Lãi trong công ty liên kết</i>	15.065.947.269	25.019.280.149
<i>Lỗ lập dự phòng đầu tư vào công ty liên kết năm nay</i>	12.570.158.954	(15.397.212.475)
Tổng thu nhập chịu thuế	513.265.362.823	635.070.914.292
Thuế thu nhập doanh nghiệp	102.653.072.563	135.373.365.710
Điều chỉnh thuế TNDN hiện hành các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	235.992.464
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	143.177.153	666.066.521
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(11.506.838.722)	(9.965.716.194)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	102.509.895.410	134.943.291.653

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.11. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.457.422.558.513	3.525.008.804.541
Chi phí nhân công	703.758.457.301	708.319.912.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.182.340.828	96.071.947.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.549.335.131	128.329.727.913
Chi phí khác bằng tiền	365.464.887.823	360.130.504.155
Cộng	5.768.377.579.596	4.817.860.896.715

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	5.769.690.637.672	5.459.277.473.712
Cộng	5.769.690.637.672	5.459.277.473.712

6.2. Số tiền thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	5.584.610.112.048	5.031.720.323.093
Cộng	5.584.610.112.048	5.031.720.323.093

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Nhóm Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Nhóm Công ty, Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh thuốc lá và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Trong năm, Nhóm Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Du lịch Long Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khatoco	Công ty con
Công ty CP Đông Á	Công ty liên kết
Công ty CP Du lịch Khánh Tâm	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Khánh Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Tân Việt	Công ty liên kết
Công ty CP In Bao bì Khatoco	Công ty liên kết
Công ty CP Khatoco Liberty	Công ty liên kết

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty TNHH Việt Khánh Phú	-	7.318.611.487
Công ty CP Khatoco Liberty	11.916.000	29.912.000
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	-	20.800.000
Cộng	11.916.000	7.369.323.487

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả người bán là các bên liên quan		
Công ty CP Đông Á	8.039.967.980	3.697.689.071
Công ty CP In bao bì Khatoco	31.637.908.286	18.095.987.750
Công ty CP Khatoco Liberty	26.380.000	-
Công ty CP Khánh Tâm	2.030.000	1.680.000
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Khatoco	-	3.187.748.700
Cộng	39.706.286.266	24.983.105.521

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Trong quá trình hoạt động, Nhóm Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản nợ, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Nhóm Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Nhóm Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Nhóm Công ty chỉ có rủi ro về lãi suất.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng thành viên của Nhóm Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Nhóm Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Nhóm Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất.

Nhóm Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Nhóm Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Nhóm Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.859.910.391	300.813.557.542
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.862.612.782.393	1.938.135.355.321
Phải thu khách hàng	176.493.410.902	193.453.752.492
Phải thu khác	136.337.243.606	231.579.849.123
Đầu tư dài hạn khác	17.652.029.920	26.727.634.000
Cộng	2.295.955.377.212	2.690.710.148.478
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.916.020.090.619	1.724.628.906.443
Phải trả người bán và phải trả khác	372.773.589.386	325.933.424.791
Chi phí phải trả	12.827.616.306	6.329.908.395
Cộng	2.301.621.296.311	2.056.892.239.629

Nhóm Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

36178
CÔNG
TNP
KI TOÁN
HSM VI
T-T-T

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Rủi ro thanh khoản**

Nhóm Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 1 năm	1.854.381.231.869	384.867.573.692	2.239.248.805.561
Từ 1 - 3 năm	61.638.858.750	733.632.000	62.372.490.750
Tại ngày 31/12/2018	1.916.020.090.619	385.601.205.692	2.301.621.296.311
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 1 năm	1.644.790.906.443	331.663.401.186	1.976.454.307.629
Từ 1 - 3 năm	79.838.000.000	599.932.000	80.437.932.000
Tại ngày 01/01/2018	1.724.628.906.443	332.263.333.186	2.056.892.239.629

Nhóm Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Nhóm Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Nhóm Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro ngoại tệ

Do có các giao dịch mua hàng, bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Nhóm Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Nhóm Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu khách hàng và phải thu khác	Tiền và các khoản trương đương tiền	Cộng
Tại ngày 31/12/2018			
Đô la Mỹ (USD)	-	1.457.000,91	1.457.000,91
Euro (EUR)	-	309,65	309,65
Đô la Singapore (SGD)	3.340.228,62	13.917,67	3.354.146,29
Tại ngày 01/01/2018			
Đô la Mỹ (USD)	1.963.545,37	998.170,97	2.961.716,34
Euro (EUR)	-	320,57	320,57
Đô la Singapore (SGD)	-	425,47	425,47

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Các khoản vay	Phải trả người bán và phải trả khác	Cộng
Tại ngày 31/12/2018			
Đô la Mỹ (USD)	15.700.364,04	7.772.637,66	23.473.001,70
Euro (EUR)	3.486.697,52	32.327,52	3.519.025,04
Tại ngày 01/01/2018			
Đô la Mỹ (USD)	7.676.485,36	5.619.777,67	13.296.263,03
Euro (EUR)	3.486.697,52	238.291,83	3.724.989,35

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và Công ty CP Bảo hiểm Bảo Minh Khánh Hòa đã có đầy đủ biên bản thống nhất cuối cùng về giá trị thiệt hại được bồi thường do cơn bão số 12 năm 2017 và bão số 8 năm 2018. Ngoài ra, không có các sự kiện quan trọng khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. SỐ LIỆU SO SÁNH

So với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán phát hành số 19.387HN/RSMHCM ngày 28/3/2019, Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán phát hành lại số 19.387aHN/RSMHCM phát hành ngày 30/12/2019 thay đổi một số chỉ tiêu như sau:

Khoản mục	Mã số	Tại ngày	Tại ngày
		31/12/2018 (Số đã trình bày và công bố theo BCKT số 19.387HN/RSMHCM)	31/12/2018 (Số trình bày lại) VND
Bảng cân đối kế toán			
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	676.815.557	668.026.602
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	926.583.388.867	925.422.719.912
3. Phải trả người lao động	314	240.802.418.619	246.561.818.619
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	339.066.126.639	339.785.076.639
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	56.888.565.780	3.159.578.970
6. LNST chưa phân phối kỳ này	421b	173.905.010.594	222.307.527.404

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT – CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi tiêu	Mã số	Năm 2018	
		(Số trình bày lại) VND	(Số đã trình bày và công bố theo BCKT số 19.387HN/RSMHCM) VND
Bảng báo kết quả hoạt động kinh doanh			
1. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	184.477.108.238	190.236.508.238
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	437.992.028.414	432.232.628.414
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	102.509.895.410	101.358.015.410
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	346.988.971.726	342.381.451.726
5. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62	343.568.563.526	338.961.043.526

12. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ngày 09/06/2017, UBND Tỉnh Khánh Hoà đã ban hành Quyết định số 1642/QĐ-UBND về việc cổ phần hoá Tổng Công Khánh Việt – Công ty TNHH MTV, theo đó thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá là ngày 31/12/2017.



Lê Tiến Anh

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Khánh Hòa, ngày 27 tháng 12 năm 2019

Đào Đông Phong
Kế toán trưởng

Đào Đông Phong
Người lập